

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Minh
- Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 738/2024/TB-TLVA ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(bà V có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 25 tháng 11 năm 2024 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống có 04 con chung tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/11/1985, Lê Văn Đ, sinh ngày 20/02/1988, Lê Thị K, sinh ngày 16/02/1990 và Lê Thị Hồng K, sinh ngày

19/11/1992, có tài sản chung là căn nhà hiện cả gia đình đang sinh sống, đất đai đã chia xong không còn và không có nợ chung. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T cờ bạc gây nợ, gia đình đã thống nhất chia tài sản và trả nợ cho ông T xong, ông T hứa sẽ sửa đổi nhưng không sửa đổi. Ông T vẫn tiếp tục tụ tập bạn bè ăn nhậu, chơi cờ bạc. Đến tháng 10/2024, ông T đi chơi về nhà bà khuyên ngăn nhưng ông T không chịu mà còn cự cãi, nói những lời chê bai bà. Bà nghe người khác nói và sau đó đã tận mắt chứng kiến ông T ăn nhậu chung với người phụ nữ khác nên bà nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng ông T chối bỏ. Sau đó, bà theo dõi và bắt gặp ông T điện thoại nói chuyện tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, bà giận không ngủ chung với ông T luôn cho đến nay. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/12/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày như sau: Ông thống nhất với lời trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông không thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà V về thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Ông có nợ như vợ ông trình bày và vợ chồng đã trả xong, hòa thuận không có vấn đề gì. Đến cách đây 02 tháng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do ông chơi chung với người bạn nào bà V cũng không cho rằng không tốt và không cho ông đi cùng họ. Bà V ghen tuông, nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không cho ông ngủ chung, không nói chuyện với ông, ông giải thích cũng không nghe mà bỏ đi nên ông nóng tính ghen ngược trở lại. Ông có nói với trưởng ấp ông sẽ thử lòng bà V bằng cách ông nói chuyện điện thoại tình cảm với người khác cho bà V bắt gặp, khi bắt gặp ông điện thoại nói chuyện với người phụ nữ khác, bà V phản ứng dữ dội nên ông nổi nóng quăng điện thoại xuống gạch nhưng vô tình trúng chân bà V. Từ đó, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện và không ngủ chung với nhau nên ông có nổi nóng kêu bà V làm đơn ly hôn ông sẽ ký tên. Ông năn nỉ bà V không được nên ông rất buồn và đến nhà anh em chơi. Nay, ông đã nhận thấy lỗi làm của mình và mong vợ ông tha thứ nhưng vợ ông không chịu giải hòa. Ông không có giải pháp hòa giải nên. Nay vợ ông xin ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì ông còn rất thương vợ. Về con chung, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy

định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1985, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01, ngày 06/3/1985. Như vậy, bà V và ông T có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ các Điều 4, 6 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn T là hợp pháp.

[2.1.2] Bà V yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 10/2024 nguyên nhân do bà V phát hiện ông T qua lại với những người bạn không tốt và nhậu nhẹt chung với người phụ nữ khác, bà V khuyên can thì ông T có những lời lẽ xúc phạm bà V, sau đó bà V phát hiện ông T điện thoại nói chuyện tình cảm với người phụ nữ khác nên ông bà cự cãi, từ đó dù sống chung nhà nhưng bà V và ông T không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không chăm lo cho nhau từ đó cho đến nay. Ông T thừa nhận trước đây ông có gây nợ và gia đình phải trả nợ thay cho ông, sau đó vợ chồng ông bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn về việc ông tụ họp bạn bè nhưng bà V không đồng ý và việc bà V phát hiện ông có điện thoại nói chuyện tình cảm với người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng nhưng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ rất nhiều. Lời trình bày của bà V là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà V và ông T. Đồng thời, ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, giữa bà V và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông T có 04 con chung tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/11/1985, Lê Văn Đ, sinh ngày 20/02/1988, Lê Thị K, sinh ngày 16/02/1990 và Lê Thị Hồng K, sinh ngày 19/11/1992, hiện các con đã trưởng thành, bà V và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Lê Văn T.
 - Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Lê Văn T có 04 con chung tên Lê Thị Kim T1, sinh ngày 01/11/1985, Lê Văn Đ, sinh ngày 20/02/1988, Lê Thị K, sinh ngày 16/02/1990 và Lê Thị Hồng K, sinh ngày 19/11/1992. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị V đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0012220 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.
3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc